

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN XUÂN LỘC
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **120** /2019/HNGĐ-ST

Ngày: 29 - 11 - 2019

V/v tranh chấp: “Ly hôn, tranh chấp
nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN XUÂN LỘC**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Huệ**

Các Hội thẩm nhân dân: Bà **Vũ Thị Lan**

Bà **Nguyễn Thị Hà**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Nguyễn Xuân Dương** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Lộc: Bà **Nguyễn Thị Kim Huệ** – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 11 năm 2019, tại Hội trường xét xử, Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 450/2019/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 7 năm 2019 về tranh chấp: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 92/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 11 năm 2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh **Nguyễn Văn S**, sinh năm 1974.

Địa chỉ: Tổ 2, ấp C, xã S, huyện L, tỉnh Đồng Nai.

Bị đơn: Chị **Nguyễn Thị Lệ H**, sinh năm 1978.

Địa chỉ: Tổ 2, ấp C, xã S, huyện L, tỉnh Đồng Nai.

(Anh S, chị H vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện ngày 07/7/2019, trong quá trình làm việc, nguyên đơn anh Nguyễn Văn S trình bày:*

Trên cơ sở tự nguyện, anh và chị **Nguyễn Thị Lệ H** chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1999 ở xã Suối Cát, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai, nhưng không đăng ký kết hôn.

Trong quá trình chung sống, anh và chị H sống hạnh phúc được một thời gian thì bắt đầu nảy sinh bất hòa, mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính cách không phù hợp, luôn bất đồng quan điểm sống. Anh và chị H đã không sống chung với nhau từ cuối năm 2018, từ đó đến nay hai người không quan tâm tới nhau. Nhận thấy tình cảm của anh và chị H không còn, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng nên anh yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh với chị H.

Về con chung: Anh chị có 02 con chung là Nguyễn Thành D, sinh năm 2000 và Nguyễn Tấn D1, sinh ngày 24/02/2013. Hiện tại cháu D đã đủ 18 tuổi và có khả năng lao động nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh đồng ý giao cháu D1 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

** Trong quá trình làm việc, bị đơn chị Nguyễn Thị Lệ H trình bày:*

Chị thống nhất với trình bày của anh S về quan hệ hôn nhân, mâu thuẫn gia đình, con chung, tài sản chung, nợ chung. Nay anh S yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng thì chị đồng ý.

Về con chung, chị yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Tấn D1, sinh ngày 07/10/2013 cho đến khi cháu đủ 18 tuổi và có khả năng lao động. Chị không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con chung. Đối với cháu Nguyễn Thành D, sinh năm 2000 đã đủ 18 tuổi và có khả năng lao động nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Lộc phát biểu quan điểm:*

Từ khi thụ lý vụ án đến nay, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tuân theo đúng quy định pháp luật về tố tụng. Đương sự chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ của mình khi tham gia tố tụng.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử không công anh Nguyễn Văn S và chị Nguyễn Thị Lệ H là vợ chồng; Về con chung: giao con chung là cháu Nguyễn Tấn D1, sinh ngày 07/10/2013 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng đến đủ 18 tuổi và có khả năng lao động. Đối với cháu Nguyễn Thành D, sinh năm 2000 đã đủ 18 tuổi và có khả năng lao động nên không giải quyết. Chị H không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét. Về tài sản chung, nợ chung: không giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Nguyễn Thị Lệ H và anh Nguyễn Văn S có đơn xin xét xử vắng mặt nên căn cứ Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh S, chị H tại phiên tòa là phù hợp.

[2] Xét yêu cầu của đương sự nhận thấy: anh Nguyễn Văn S và chị Nguyễn Thị Lệ H tự nguyện sống chung với nhau năm 1999, nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, nên không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ chồng. Do đó, căn cứ vào Nghị quyết 35/2000/QH10 về việc thi hành Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; Điều 53 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 tuyên bố không công nhận anh S và chị H là vợ chồng.

[3] Về con chung: Anh Nguyễn Văn S và chị Nguyễn Thị Lệ H thỏa thuận giao cháu Nguyễn Tấn D1, sinh ngày 07/10/2013 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng. Xét thấy, hiện nay cháu D1 đang ở với chị H và sự thỏa thuận của anh chị là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân gia đình nên ghi nhận. Chị H không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét giải quyết. Đối với

cháu Nguyễn Thành D, sinh năm 2000 đã đủ 18 tuổi và có khả năng lao động nên không giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Anh S, chị H không yêu cầu giải quyết.

[5] Về nợ chung: Anh S, chị H xác định không có nên không giải quyết.

[6] Về án phí: Anh Nguyễn Văn S phải nộp số tiền 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

[7] Xét đề nghị của Viện kiểm sát có cơ sở nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các điều 28, 35, 39, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 35/2000/QH10 về việc thi hành Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; các điều 14, 15, 53, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận anh Nguyễn Văn S, chị Nguyễn Thị Lệ H là vợ chồng.

- Về con chung: Giao cháu Nguyễn Tấn D1, sinh ngày 07/10/2013 cho chị Nguyễn Thị Lệ H trực tiếp nuôi dưỡng đến đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị H không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nên không giải quyết.

Quyền và nghĩa vụ của cha mẹ đối với con chung vẫn được pháp luật bảo vệ.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không giải quyết.

- Về án phí: Anh Nguyễn Văn S phải nộp 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm. Số tiền 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng tạm ứng án phí do anh S nộp theo biên lai thu số 0003104 ngày 08/7/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Xuân Lộc được chuyển thành án phí. Anh S đã nộp đủ.

Anh Nguyễn Văn S, chị Nguyễn Thị Lệ H được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai
- VKSND tỉnh Đồng Nai
- VKSND huyện Xuân Lộc.
- Chi cục THADS huyện Xuân Lộc.
- UBND xã Suối Cát;
- Các đương sự.
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Huệ